

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Văn Bình**

2/ Ông **Bạch Thái An**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Thiện Khiêm**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 469/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Cẩm H**, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp G, xã V, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Hồ Quy Q**, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồ Quy Q xây dựng hôn nhân vào ngày 18-19 tháng 12 năm 2013, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống được 01 năm, lúc đầu sống rất hạnh phúc, sau này sống không còn hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi do anh Q hay ghen tuông, nghi kỵ và vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hồ Quy Q.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Q. Về con chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Cẩm H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết về ly hôn với anh Hồ Quy Q cư trú tại ấp N, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn anh Hồ Quy Q được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm H và anh Hồ Quy Q chung sống như vợ chồng từ tháng 12 năm 2013 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền như lời trình bày của chị H là phù hợp với xác nhận của Phòng Tư pháp huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long ngày 26/11/2018 nên việc kết hôn của chị H và anh Q không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo tại Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không công nhận mối quan hệ giữa chị H và anh Q là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Cẩm H xác định không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Cẩm H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Cẩm H phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm H và bị đơn anh Hồ Quy Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Cẩm H xác định không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Cẩm H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Cẩm H nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0015009 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- CCTHADS huyện Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thúy An